

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Kinh tế

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

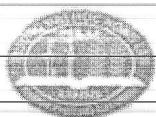
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Mã ngành: 7620114

Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Chuyên Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202114	Toán cao cấp C1	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
4	202115	Toán cao cấp C2	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
6	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
7	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
8	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
9	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
10	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
11	200202	Quân sự (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
12	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	1	2	202114 202115		
13	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
14	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
15	200105	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
16	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
Cộng			40	720	510	120	90	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Mã ngành: 7620114

Khoa đào tạo: Kinh tế

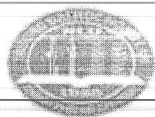
Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
2. Khối cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	208109	Kinh tế vi mô 1	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
2	208416	Quản trị học	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	208453	Marketing căn bản	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
4	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3	45	45	0	0	0	0	2	1	208109		
5	208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202121		
6	210390	Đại cương BQ & CB nông sản	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
7	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
8	210301	Bao bì thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
Cộng			19	285	285	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 7 TC														
1	203703	Chăn nuôi đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
2	204534	Nông học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
3	205108	Lâm nghiệp đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
4	206109	Thủy sản đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
5	202621	Xã hội học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
6	208118	Thống kê nông nghiệp	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202121		
7	208208	Phong thủy ứng dụng	3	60	30	30	0	0	0	2	2			
8	208422	Hành vi tổ chức	2	30	30	0	0	0	0	2	2	208416		
9	208452	Phân tích kinh doanh	2	30	30	0	0	0	0	2	2			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Mã ngành: 7620114

Khoa đào tạo: Kinh tế

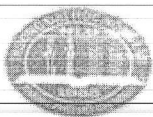
Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
Cộng			20	330	270	60	0	0	0					
3. Khối chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1	208109		
2	208423	Luật thương mại	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202622		
3	208132	Kiến tập thống kê định lượng	2	60	0	0	60	0	0	2	2	208231		
4	208211	Kinh tế lượng căn bản	3	60	30	30	0	0	0	2	2	208231 208110		
5	208340	Tài chính tiền tệ	2	30	30	0	0	0	0	2	2	208110		
6	208106	Logistic - quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0	0	0	0	3	1	208453		
7	208147	Kinh tế thị trường nông sản	2	30	30	0	0	0	0	3	1	208211		
8	208222	Phân tích định lượng trong QL	3	60	30	30	0	0	0	3	1	202114 202121		
9	208431	Quản trị Marketing	3	45	45	0	0	0	0	3	1	208416 208453		
10	208119	Phương pháp nghiên cứu KH kinh tế	3	45	45	0	0	0	0	3	2			
11	208139	Kinh tế học kinh doanh	3	45	45	0	0	0	0	3	2	208109		
12	208406	Quản trị chiến lược	3	45	45	0	0	0	0	3	2	208416		
13	208439	Thương mại điện tử	2	30	30	0	0	0	0	3	2	208110		
14	208445	Marketing nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	3	2	208453		
15	208153	Kiến tập chuyên ngành KT& KDNN	2	60	0	0	60	0	0	4	1			
16	208421	Dự án đầu tư	3	60	30	30	0	0	0	4	1	208110		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Mã ngành: 7620114

Khoa đào tạo: Kinh tế

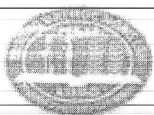
Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
17	208429	Quản trị chất lượng	3	45	45	0	0	0	0	4	1	208231 208416		
18	208470	Quản trị kinh doanh NN	3	45	45	0	0	0	0	4	1	208416		
Cộng			46	795	585	90	120	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 14 TC														
1	208152	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	3	45	45	0	0	0	0	3	1	213604		
2	208336	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0	0	0	0	3	1			
3	208342	Pháp luật thuế	3	45	45	0	0	0	0	3	1			
4	208345	Tín dụng ngân hàng	3	45	45	0	0	0	0	3	1	208340		
5	208347	Tài chính doanh nghiệp 1	3	60	30	30	0	0	0	3	1	208340		
6	208327	Nghiệp vụ thanh toán	2	30	30	0	0	0	0	3	2	208340		
7	208424	Quản trị nhân sự	3	45	45	0	0	0	0	3	2	208416		
8	208456	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	30	0	0	0	0	3	2			
9	208461	Động thái khách hàng	2	30	30	0	0	0	0	3	2			
10	208103	Quản lý rủi ro trong NN	3	45	45	0	0	0	0	4	1			
11	208335	Kế toán quản trị	3	45	45	0	0	0	0	4	1	208336		
12	208414	Quản trị trang trại	2	30	30	0	0	0	0	4	1	208416		
13	208508	Phân tích chính sách NN	3	45	45	0	0	0	0	4	1	208104		
Cộng			35	540	510	30	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 10 TC														
1	208107	Thực tập cơ sở kinh doanh	3	60	30	30	0	0	0	4	2			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 3641/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Mã ngành: 7620114

Khoa đào tạo: Kinh tế

Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Kinh doanh nông nghiệp

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
2	208108	Kinh tế học quản lý	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
3	208112	Tài chính nông nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
4	208117	Phân tích và dự báo giá trong nông nghiệp	3	60	30	30	0	0	0	4	2			
5	208160	Tiểu luận TN ngành KT&KDNN	5	75	0	0	0	75	0	4	2			
6	208197	Khoá luận TN ngành KT&KDNN	10	150	0	0	0	150	0	4	2			
Cộng			25	405	120	60	0	225	0					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 105

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 31

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 3 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (5 TC) + phải đạt thêm 5 TC nhóm tự chọn chuyên ngành 0302
3. Các học phần thay thế tốt nghiệp (phải đạt thêm 10 TC nhóm tự chọn chuyên ngành 0302)

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 136 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường



GS.TS. Nguyễn Hay

Trưởng Phòng Đào Tạo

TS. Trần Đình Lý

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 10 năm 2018

P. Trưởng Khoa/ Bộ môn

TS. Nguyễn Bạch Đằng